

Quản lí phát triển đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung

✉ Lê Huỳnh Quốc Vũ

Trường Cao đẳng Nghề Số 23 - Bộ Quốc phòng
1A La Sơn Phu Tử, Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Email: quocvu1976@gmail.com

TÓM TẮT: *Đội ngũ giảng viên dạy nghề ở quân đội thuộc Bộ Quốc phòng có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định đến sự thành bại của sự nghiệp giáo dục và hiệu quả của quản lí giáo dục nghề nghiệp phụ thuộc vào trình độ chuyên môn của mỗi giảng viên quân đội. Để đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên và thực trạng quản lí phát triển đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề ở khu vực Duyên hải miền Trung, tác giả thực hiện khảo sát các đối tượng chuyên gia trong lĩnh vực dạy nghề, cán bộ quản lí ở các sở lao động, thương binh và xã hội, cán bộ quản lí và một số giảng viên ở các trường cao đẳng nghề thông qua mẫu phiếu điều tra khảo sát.*

TỪ KHÓA: Quản lí; phát triển; đội ngũ giảng viên; cao đẳng nghề quân đội; Duyên hải miền Trung.

→ Nhận bài 15/11/2017 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 22/01/2018 → Duyệt đăng 25/02/2018.

1. Đặt vấn đề

Đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước phải kịp thời đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ, là nền tảng và là động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có hướng đi và cách làm đúng cần có tư duy giáo dục mới, cần tiến hành cuộc "Đổi mới giáo dục có tính cách mạng, hay nói cách khác là cải cách triệt để và toàn diện nền giáo dục Việt Nam" [1]. Để đổi mới sự nghiệp giáo dục, trước hết phải đổi mới mục tiêu trọng tâm về công tác quản lí phát triển đội ngũ giảng viên.

Quản lí phát triển đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề quân đội đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực là sự tác động của chủ thể quản lí nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên dạy nghề đạt chuẩn. Nội dung quản lí phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề các trường quân đội bao gồm các khâu: Quy hoạch; Tuyển chọn và sử dụng; Đào tạo và bồi dưỡng; Quan hệ hợp tác với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ; Thực hiện chính sách và kiểm tra đánh giá.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề quân đội

Là nhà giáo, là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường và nhà trường quân đội nói riêng hoặc các cơ sở giáo dục khác với những tiêu chuẩn [2]: Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; Đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; Lịch sử bản thân rõ ràng.

Đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề quân đội là tập hợp các nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy trong quân đội và nghiên cứu khoa học ở các trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Quốc phòng. Họ gắn kết với nhau thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo nghề, cùng trực tiếp giảng dạy và giáo dục bộ đội xuất ngũ theo Quyết định 121/2009/QQĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy

nghề thuộc Bộ Quốc phòng ràng buộc của Nhà nước. Đặc điểm đào tạo nghề là dạy thực hành chủ yếu để hình thành kĩ năng nghề cho người học. Vì vậy, trong trường cao đẳng nghề quân đội, số giảng viên dạy tích hợp (lí thuyết và thực hành) và thực hành nghề chiếm số lượng đông hơn và trong quản lí cần quan tâm đến đội ngũ này.

2.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung

2.2.1. Tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực Duyên hải miền Trung

- Đặc điểm dân số, dân tộc và tôn giáo

Dân số: Khu vực Duyên hải miền Trung bao gồm 06 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc trung ương có diện tích 39.015,46 km², dân số toàn vùng là 7.464.370 người. Mật độ trung bình 214 người/km². Phần lớn dân cư trong vùng sinh sống chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển. Vùng miền núi ở phía Tây của vùng là nơi sinh sống các tộc người thiểu số, với mật độ dân cư thưa thớt hơn (xem Bảng 1).

Dân số trung bình toàn vùng: (Từ năm 2005-2015) Tỷ lệ tăng dân số vùng Duyên hải miền Trung năm 2010 là 0,63%, năm 2015 là 0,42%. Tỷ lệ tăng dân số cả nước năm 2010 là 1,17% và năm 2015 là 1,05%; Các số liệu trên cho thấy tỷ lệ tăng dân số trên cả nước trong 10 năm (từ năm 2005 đến năm 2015) giảm 0,12% và vùng Duyên hải miền Trung giảm 0,21% (xem Bảng 2).

Dân tộc: Theo thống kê, năm 2015, trong vùng có 11 dân tộc, trong đó đông nhất là người Kinh chiếm khoảng 92,3%; dân tộc Cor khoảng 1.200.369 người; dân tộc Katu khoảng 192.435 người; dân tộc Chăm khoảng 14.982 người, các dân tộc còn lại số lượng ít.

Tôn giáo trong vùng gồm: Phật giáo Bắc Tông (2.798.628 tín đồ), Phật giáo Nam Tông Khomer (1.052.895 tín đồ); Phật giáo Hòa Hảo (1.148.314 tín đồ), Công giáo (715.054 tín đồ). Tin Lành, Hồi Giáo, Nam Tông Minh Sư Đạo, Cao

Bảng 1: Dân số và mật độ dân số ở vùng Duyên hải miền Trung

Địa phương	Dân số trung bình (nghìn người)	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số (người/ km ²)
Thừa Thiên Huế	1,127,905	5,033.2	6,824.6
Quảng Nam	1,505,792	10,438.4	9,214
Quảng Ngãi	1,241,400	11,000	241
Bình Định	1,545,300	6,091.33	256
Phú Yên - Khánh Hòa	1,156,903	5,197	222
Đà Nẵng	887,070	1,255.53	906.7

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Bảng 2: Dân số thành thị - nông thôn năm 2015 ở khu vực Duyên hải miền Trung

(Đơn vị: nghìn người)

Khu vực	Tổng dân số	Dân số ở thành thị	Tỉ lệ dân số ở thành thị/Tổng dân số
Cả nước	87,840.0	26224.4	30.2
Khu vực duyên hải miền Trung	7,464.370	4000.3	23.2

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Đài, Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư Sĩ, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương và một số tôn giáo khác.

- Đặc điểm giáo dục – đào tạo

Đây là lĩnh vực có sự quan tâm đầu tư góp phần đưa trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực của vùng có bước phát triển, mạng lưới trường học phát triển rộng khắp vùng dân cư, kể cả vùng sâu, vùng xa.

Tất cả 6 tỉnh, thành phố đều đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học – chống mù chữ, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở. Tuy nhiên, tỉ lệ đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề còn thấp, chiếm 18% năm 2015 so với chỉ tiêu 20%. Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia thấp 11%.

Quy mô các trường giáo dục nghề nghiệp và đại học còn ít so với yêu cầu đào tạo của vùng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy thiếu, lạc hậu. Đội ngũ giảng viên thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Duyên hải miền Trung trong điều kiện tiến hành công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Khái quát về giáo dục nghề nghiệp quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung:

Bảng 3: Thống kê số lượng trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề quân đội vùng Duyên hải miền Trung

STT	Tỉnh/thành phố	Trường Cao đẳng nghề Quân đội	Trường Trung cấp nghề Quân đội	Trung tâm dạy nghề Quân đội
1	Thừa Thiên Huế	1	0	0
2	Quảng Nam	0	0	1
3	Quảng Ngãi	0	0	0
4	Bình Định	0	0	1
5	Phú Yên	0	0	0
6	Khánh Hòa	1	0	0

(Nguồn: Số liệu kết quả điều tra của các Sở LĐTB&XH & Bộ Quốc phòng)

Mạng lưới cơ sở dạy nghề

Vùng Duyên hải miền Trung có 116 cơ sở dạy nghề gồm: 16 trường dạy nghề; 60 trung tâm dạy nghề và 40 cơ sở khác có dạy nghề, trong đó có 2 trường cao đẳng nghề thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam đóng tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Thừa Thiên Huế. Mạng lưới cơ sở dạy nghề quân đội của vùng đã có bước phát triển nhanh, đa dạng về loại hình sở hữu và đào tạo đa cấp trình độ đã góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực và vượt chỉ tiêu đề ra. Phân bố các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề thuộc quân đội theo địa bàn tỉnh, thành phố (năm học 2015-2016) (xem Bảng 3).

Về tuyển sinh dạy nghề

Năm 2015, các trường trong vùng đã tuyển sinh được 6200 người. Quy mô tuyển sinh dạy nghề tăng nhanh đã nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề của vùng năm 2016 đạt 23,5%. Năm 2017 tuyển sinh là 14.200 người. Quy mô tuyển sinh dạy nghề tăng nhanh đã nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề của vùng năm 2017 đạt 24,5%.

Quy mô đào tạo của các trường cao đẳng nghề quân đội Vùng Duyên hải miền Trung là 30.700 sinh viên, bình quân 15.350 sinh viên/trường.

Ngoài ra, còn có sự tham gia đào tạo nghề của các trường, các doanh nghiệp, các cơ sở dạy nghề khác với quy mô khoảng 25.490 học viên (chủ yếu đào tạo ngắn hạn, sơ cấp nghề).

Về phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lí dạy nghề quân đội

Năm 2015, toàn vùng có 285 giáo viên dạy nghề, trong đó 81% là giáo viên cơ hữu; 91% đạt chuẩn; 4% có trình độ sau đại học; 70% có trình độ đại học, cao đẳng. Năm 2016, toàn vùng có 485 giáo viên dạy nghề, trong đó có 78 % là giáo viên cơ hữu; 64% giáo viên đạt chuẩn; 6% giáo viên có trình độ sau đại học; 61% giáo viên có trình độ đại học, cao đẳng. Như vậy, số lượng giáo viên dạy nghề tăng gấp 2 lần so với số lượng giáo viên dạy nghề năm 2015.

Quá trình hình thành và phát triển các trường cao đẳng nghề quân đội

Theo Quyết định 121/2009/QĐ – TTG của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hoạt động của các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề có hiệu lực ngày 9 tháng 10 năm 2009. Vùng Duyên hải miền Trung đã hình thành hai trường cao đẳng nghề quân đội: Năm 2012 được nâng cấp lên từ Trường Trung cấp Nghề Số 5 thành lập Trường Cao đẳng Nghề Số 5 - Bộ Quốc phòng; Năm 2014 được nâng cấp lên từ Trường Trung cấp Nghề Số 23 thành Trường Cao đẳng Nghề Số 23 - Bộ Quốc phòng, xác định 3 cấp trình độ. Hiện có 4 tỉnh thuộc vùng chưa có trường cao đẳng nghề thuộc quân đội là: Quảng Nam; Quảng Ngãi; Bình Định; Phú Yên - Khánh Hòa.

Chức năng nhiệm vụ: Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động. Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ, người lao động, cung ứng lao động theo yêu cầu của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, cung ứng, đào tạo nguồn nhân lực xuất khẩu lao động theo chỉ tiêu trên giao. Thực hiện các nhiệm vụ khác do quân khu và Bộ Quốc phòng giao.

Qua điều tra khảo sát, chúng tôi nhận thấy:

Công tác dạy nghề có nhiều tiến bộ trong giai đoạn 2010-2015, gắn với giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, xóa đói giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu lao động xã hội. Mạng lưới cơ sở dạy nghề có những bước phát triển. Đội ngũ giảng viên dạy nghề phát triển về số lượng, chất lượng từng bước được nâng lên. Mở rộng quy mô tuyển sinh cho bộ đội xuất ngũ

đã góp phần nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2015 lên 23,5%, nhưng còn thấp so với bình quân chung cả nước là 30%. Tuy nhiên, có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề giữa các tỉnh trong vùng: Số lượng cơ sở đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu học nghề của nhân dân trong vùng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, lạc hậu, nhiều cơ sở dạy nghề mới thành lập và triển khai đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề nên năng lực đào tạo nhỏ, đội ngũ giảng viên thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng. Quy mô dạy nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề của vùng chỉ chiếm 10,3% tổng số lượt người được đào tạo nghề (cả nước là 18%).

2.3. Thực trạng đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung

Để đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên và thực trạng quản lý phát triển đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề ở khu vực Duyên hải miền Trung, chúng tôi đã thực hiện khảo sát các đối tượng chuyên gia trong lĩnh vực dạy nghề, cán bộ quản lý ở các sở lao động, thương binh và xã hội, cán bộ quản lý và một số giảng viên ở các trường cao đẳng nghề thông qua mẫu phiếu điều tra khảo sát. Căn cứ vào các bảng tổng hợp, căn cứ vào điều tra khảo sát có hệ thống và đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề ở khu vực Duyên hải miền Trung về các nội dung sau:

* Về số lượng – cơ cấu, độ tuổi, giới tính

- Số lượng (xem Bảng 4):

Số lượng giảng viên, giáo viên ở các trường nghề quân đội khảo sát tăng lên khoảng 31% trong 3 năm học theo sự phát triển của quy mô học sinh, sinh viên đào tạo. Trong 3 năm học, các trường đều thiếu giảng viên, giáo viên và phải thỉnh giảng khoảng 22% đến 95% so với giảng viên, giáo viên cơ

Bảng 4: Quy mô học sinh sinh viên, số lượng giảng viên dạy nghề từ năm học 2014 – 2015 đến năm học 2016 – 2017 ở các trường khảo sát

2013 - 2014		2014 - 2015				2016 - 2017					
Quy mô đào tạo		Số giáo viên	Giáo viên thỉnh giảng	Quy mô đào tạo		Số giáo viên	Giáo viên thỉnh giảng	Quy mô đào tạo		Số giáo viên	Giáo viên thỉnh giảng
Trung cấp + Cao đẳng	Sơ cấp			Trung cấp + Cao đẳng	Sơ cấp			Trung cấp + Cao đẳng	Sơ cấp		
3200	6417	138	3	6200	10633	217	31	14200	9714	355	94

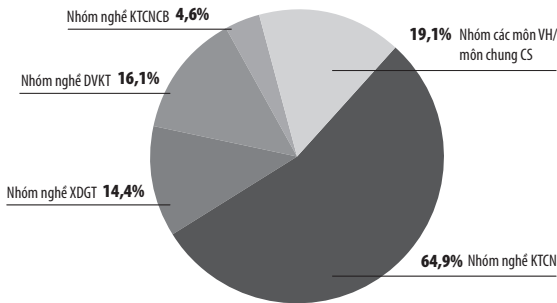
Bảng 5: Cơ cấu đội ngũ giảng viên theo các nhóm nghề

Tổng số	Số lượng, cơ cấu đội ngũ giảng viên ở các nhóm nghề				
	Dạy văn hóa - các môn chung - cơ sở	Nhóm nghề kĩ thuật công nghiệp	Nhóm nghề xây dựng giao thông	Nhóm nghề dịch vụ kinh tế	Nhóm nghề kĩ thuật nông nghiệp chế biến
355	26 (19.1%)	284 (64.9%)	18 (14.4%)	22 (16.1%)	5 (4.6%)

NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN GIÁO DỤC

hữu của trường. Cụ thể năm 2016 – 2017, trong tổng số 94 giảng viên thỉnh giảng ở các trường thì có 16 giảng viên dạy văn hóa, môn chung và 78 giảng viên dạy nghề.

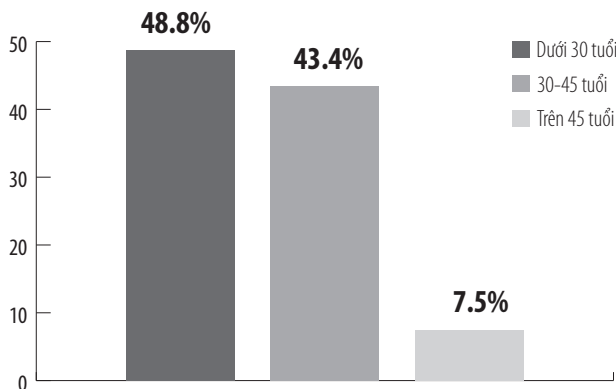
* Cơ cấu giảng viên, giáo viên dạy văn hóa, các môn chung và các nhóm nghề (xem Bảng 5):



Biểu đồ 1: Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở các các nhóm nghề (trừ giảng viên dạy văn hóa lý thuyết)

Trong tổng số 355 giảng viên ở 2 trường có 26 giảng viên (19,1%) dạy các môn văn hóa, các môn chung cơ sở và 284 giảng viên dạy nghề (chiếm 64,9%) thuộc nhóm nghề kỹ thuật công nghiệp, 18 giảng viên (chiếm 14,4%) thuộc nhóm nghề xây dựng giao thông, 22 giảng viên dạy nghề (chiếm 16,1%) thuộc nhóm nghề dịch vụ kinh tế, 5 giảng viên (chiếm 4,6%) thuộc nhóm nghề kỹ thuật công nghiệp chế biến (xem Biểu . Như vậy, thế mạnh của các trường cao đẳng nghề ở khu vực Duyên hải miền Trung là đào tạo nhân lực trình độ kỹ thuật cao ở nhóm nghề kỹ thuật công nghiệp, xây dựng giao thông và dịch vụ kinh tế góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực.

* Độ tuổi, giới tính (xem Biểu đồ 2):



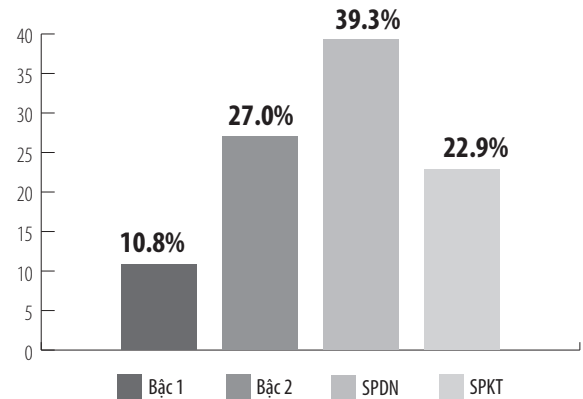
Biểu đồ 2: Độ tuổi, giới tính đội ngũ giảng viên các trường dạy nghề quân đội

Số giảng viên trẻ tuổi tương đối dồi dào, là nguồn phong phú cho công tác đào tạo, nâng chuẩn giáo viên dạy nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, có một số vấn đề bất cập cần quan tâm là trình độ kỹ năng nghề của một số giảng viên trẻ còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm và một số giảng viên lớn tuổi không theo kịp tiến độ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới nên có phần lạc hậu, hụt hẫng về chuyên môn.

* Năng lực sư phạm (xem Bảng 6):

Bảng 6: Trình độ nghiệp vụ sư phạm đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề quân đội

Tổng số	Nghiệp vụ sư phạm			
	Bậc 1	Bậc 2	Sư phạm dạy nghề	Sư phạm kĩ thuật
355	10,8%	27,0%	39,3%	22,9%



Biểu đồ 3: Trình độ nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề

Qua nhiều năm đào tạo, các trường có nhiều cố gắng chuẩn hóa trình độ nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giảng viên dạy nghề. Tuy nhiên, qua thống kê cho thấy còn 10,8% giảng viên chưa đạt chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề (phần lớn thuộc các cơ sở dạy nghề đào tạo trình độ sơ cấp nghề) (xem Biểu đồ 3). Thực tiễn, thông qua các dự án, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đặc biệt thông qua hội giảng giảng viên dạy nghề giỏi các cấp là điều kiện thuận lợi để giảng viên các trường học tập kinh nghiệm soạn bài giảng, phương pháp sư phạm, khai thác tài liệu đa phương tiện nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Bảng 7: Trình độ, nguồn đào tạo của đội ngũ giảng viên ở các trường nghề quân đội được khảo sát

Tổng số %	Trình độ				Nguồn đào tạo					
	SDH	ĐH	CD	TC	ĐH SPKT	ĐH BK	ĐH SP	ĐH NL	CDN	ĐH CN
355	8,8	75,1	5,8	10,3	24,3	1,8	5,8	0,5	1	66,6

Bảng 8: Trình độ kĩ năng nghề, mức độ thực hiện kĩ năng nghề của đội ngũ giảng viên ở các trường nghề quân đội

Trình độ kĩ năng nghề					Mức độ thực hiện kĩ năng nghề				
TS	< Bậc 3	Bậc 4-5	Bậc 6-7	CĐN	TS	Thành thạo	Khá	Trung bình	Chưa thành thạo
225	89	57	69	10	355	238	98	19	0
Tỉ lệ %	40	25	30,6	4,4	Tỉ lệ %	66,6	27,4	6	0,0

Bảng 9: Trình độ ngoại ngữ, tin học, lí luận chính trị, quản lí nhà nước của đội ngũ giảng viên ở các trường nghề quân đội

Tổng số	Trình độ ngoại ngữ				Trình độ tin học			Lí luận chính trị			Quản lí nhà nước	
	%	A	B	C	Khác	A	B	khác	TC	CC	CN	
355	40,8	50,5	6,7	2	58	29,3	12,7	23	5	12	19,3	

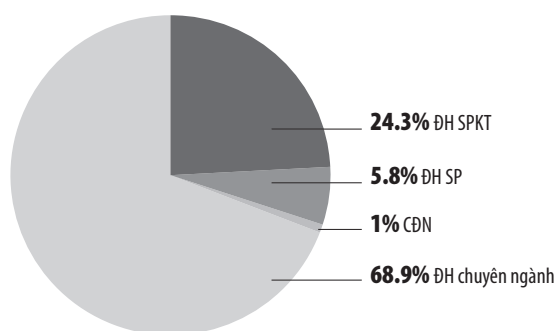
* *Năng lực chuyên môn (xem Bảng 7):*

Trình độ đào tạo:

Qua điều tra, khảo sát, thống kê ở các trường cho thấy: Đội ngũ giảng viên dạy nghề rất đa dạng về trình độ đào tạo, trình độ kĩ năng nghề. Có 8,8% đạt trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), 75,1% đạt trình độ đại học, còn 5,8% trình độ cao đẳng và 10,3% trình độ khác (công nhân kĩ thuật bậc cao). Như vậy, còn 16,1% giảng viên chưa đạt chuẩn về trình độ chuyên môn.

* *Nguồn đào tạo (xem Biểu đồ 4):*

Theo chúng tôi, thực trạng đội ngũ giảng viên đa số được đào tạo từ các trường đại học chuyên ngành. Khi tuyển vào dạy ở các trường cao đẳng nghề, họ có kiến thức chuyên môn nhưng đối chiếu với chuẩn giảng viên dạy nghề thì ngoài việc phải được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng kĩ năng nghề để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đòi hỏi cần có kế hoạch và giải pháp hiệu quả trong quản lí phát triển đội ngũ giảng viên.



Biểu đồ 4: Nguồn đào tạo của đội ngũ giảng viên ở các trường khảo sát

* *Trình độ kĩ năng nghề (xem Bảng 8):*

Trình độ kĩ năng nghề của đội ngũ giảng viên là một vấn đề rất quan trọng cần được quan tâm về cả hai phía đội ngũ giảng viên và các cấp quản lí đào tạo nghề. Qua điều tra, khảo

sát về bậc thợ (theo quy định trước đây) của 355 giáo viên dạy nghề ở 2 trường cao đẳng nghề thuộc Bộ Quốc phòng cho thấy trình độ dưới bậc 3 chiếm tới 40%; bậc 4-5 chiếm 25%; bậc 6-7 chiếm 30,6%; đạt chuẩn kĩ năng nghề (theo quy định mới) trình độ cao đẳng nghề chiếm 4,4%. Khảo sát về mức độ thực hiện kĩ năng nghề của 355 giảng viên dạy nghề tại 2 trường cao đẳng nghề quân đội cho thấy mức độ thành thạo chiếm 66,6%; mức độ khá chiếm 27,4%; mức độ trung bình chiếm 6%; mức độ chưa thành thạo 0%. Theo người nghiên cứu, kĩ năng nghề là khâu yếu nhất của đội ngũ giảng viên dạy nghề ở khu vực duyên hải miền Trung so với chuẩn, điều này có nguyên nhân từ nguồn đào tạo giảng viên dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu, thực trạng này đòi hỏi công tác quản lí cần phải có kế hoạch thật phù hợp, khả thi trong tuyển dụng giảng viên dạy nghề, bồi dưỡng kĩ năng nghề cho đội ngũ giảng viên dạy nghề theo chuẩn, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực ở khu vực. Về nghiên cứu khoa học: Qua khảo sát cho thấy đây là mặt rất hạn chế của đội ngũ giảng viên, trong số 355 giảng viên dạy nghề ở 2 trường, chỉ có 18 người tham gia nghiên cứu khoa học.

* *Trình độ ngoại ngữ, tin học, lí luận chính trị (xem Bảng 9):*

Về ngoại ngữ, tin học: Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên là rất yếu, qua thống kê khảo sát có 370 giảng viên dạy nghề (40,8%) đạt trình độ A (chuẩn là trình độ B) và qua khảo sát ý kiến 338 giảng viên dạy nghề ở 10 trường thì chỉ có 20,6% cho là có khả năng sử dụng ngoại ngữ để nghiên cứu tài liệu và 5,3% có khả năng dịch thuật. Đây là một hạn chế rất lớn trong bối cảnh tiếp cận trình độ khoa học kĩ thuật phát triển khu vực và quốc tế.

Trình độ tin học: Ở 10 trường khảo sát, có 526 (58,0%) giảng viên dạy nghề chỉ đạt trình độ A tin học so với chuẩn là trình độ B. Qua khảo sát 338 giảng viên dạy nghề ở 2 trường (44,7%) có năng lực soạn thảo văn bản, tra cứu thông tin, 147/338 (43,5%) có năng lực soạn thảo giáo án điện tử, giáo trình điện tử, 40/338 (11,8%) có năng lực thiết kế và phát triển tài liệu đa phương tiện. Vấn đề cơ bản hiện

nay là việc khai thác ứng dụng tin học vào các bài giảng, xây dựng giáo án điện tử do chưa được các khoa, bộ môn đầu tư đúng mức.

Về trình độ lý luận chính trị và quản lý nhà nước: Trong tổng số 274 cán bộ quản lý từ cấp khoa, phòng trở lên ở 10 trường chỉ có 40/274 (14,6%) có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp đến cử nhân, 53/274 (19,3%) được bồi dưỡng chương trình quản lý nhà nước. Đây là một hạn chế rất lớn, ảnh hưởng đến nhận thức, năng lực tổ chức quản lý của cán bộ quản lý ở các trường cao đẳng nghề.

* *Phẩm chất:*

Thực tiễn hình thành và phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề quân đội gắn liền với phát triển các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung trong điều kiện kinh tế xã hội vùng còn nhiều khó khăn, các trường đã có nhiều nỗ lực củng cố, xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, có nhiều tác động để ổn định đội ngũ trong giai đoạn xây dựng và nâng cấp nhà trường.

Qua khảo sát ý kiến của 140 giảng viên ở 2 trường cao đẳng dạy nghề quân đội: Ý kiến của thầy/cô về thái độ đối với nghề dạy học: 140/355 (82,2%) khẳng định yêu nghề, 50/355 (14,8%) chấp nhận nghề.

Theo chúng tôi, phẩm chất đạo đức nhà giáo, lòng yêu nghề là một mặt mạnh cơ bản của đội ngũ giảng viên các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung. Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, vấn đề quan tâm là còn một bộ phận giảng viên dạy nghề thiếu hiểu biết về phát triển nghề nghiệp, khoa học kỹ thuật liên quan đến nghề, vấn đề hội nhập, vấn đề toàn cầu hóa, những quan điểm, thông tin về giáo dục nghề nghiệp, còn mang tư tưởng trông chờ, thiếu năng động, chưa xây dựng tác phong công nghiệp (phẩm chất của nhà chuyên môn kỹ thuật) nên phần nào hạn chế tác động giáo dục nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên.

* *Nhận xét chung*

Mặt mạnh:

- Cùng với sự phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, quy mô và cơ cấu nghề đào tạo thì đội ngũ giảng viên dạy nghề trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung đã được chú trọng phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực của vùng.

- Đa số giảng viên, giáo viên dạy nghề đã được chuẩn hóa về trình độ nghiệp vụ sư phạm và chuyên môn.

- Thông qua các dự án của trung ương, địa phương một số giảng viên dạy nghề đã được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ. Kỹ năng nghề trở thành lực lượng nòng cốt ở các trường nghề quân đội.

- Một số giảng viên dạy nghề biết khai thác tài liệu đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế giáo án, giáo trình điện tử.

- Cùng với sự phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề, quy mô và cơ cấu nghề đào tạo thì đội ngũ giảng viên dạy nghề trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã

được chú trọng phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực của vùng.

- Cơ cấu ngành nghề đào tạo của đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực kỹ thuật, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế của địa phương. Thông qua thực tiễn kết hợp với các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nghề nhân tố thị trường đã được khẳng định, năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên được nâng lên.

Mặt hạn chế:

- Số lượng giảng viên dạy nghề tăng nhanh trong những năm gần đây nhưng so với quy định về tỉ lệ học sinh, sinh viên trên giảng viên là 20/1 thì số lượng giảng viên dạy nghề hiện nay còn thiếu.

- Trình độ kỹ năng nghề của giảng viên dạy nghề nhìn chung còn hạn chế so với chuẩn và yêu cầu đào tạo nhân lực. Tỉ lệ giảng viên dạy nghề vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành chưa cao. Số giảng viên dạy nghề được tiếp cận trình độ đào tạo khu vực và quốc tế rất ít. Đây là một hạn chế lớn trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Năng lực sư phạm của đội ngũ giảng viên dạy nghề ở quân đội còn nhiều bất cập, khả năng ứng dụng tin học vào giảng dạy còn nhiều hạn chế.

- Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên dạy nghề nhìn chung còn yếu nên hạn chế trong giao tiếp, thu thập và nghiên cứu tiếp cận công nghệ mới.

Nguyên nhân:

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề hiện nay chưa có sự điều chỉnh hợp lý để hướng tới giảng viên dạy nghề có thể giảng dạy tích hợp (lý thuyết và thực hành) hiệu quả.

- Chưa có hệ thống, chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn giảng viên dạy nghề để tạo động lực cho đội ngũ giảng viên dạy nghề quân đội trong phát triển nghề nghiệp.

- Còn một bộ phận giảng viên dạy nghề chưa có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc học tập rèn luyện nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trong cơ chế thị trường và hội nhập, thiếu tự giác và chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng của bản thân.

Nhìn chung, để có thể phát triển hệ thống trường cao đẳng nghề vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2020 thì một trong những yếu tố có tính chất quyết định đối với các trường là phải phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề quân đội có đủ năng lực, đạt chuẩn quy định và phù hợp với yêu cầu đào tạo nhân lực của địa phương, vùng. Điều này đòi hỏi các cấp quản lý phải xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề quân đội, tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời bản thân giảng viên dạy nghề cũng phải nâng cao nhận thức, có ý thức tự giác trong học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ bản thân, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, góp phần đào tạo nhân lực ở khu vực Duyên hải miền Trung.

2.4. Giải pháp quản lý phát triển đội ngũ giảng viên trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung

Căn cứ vào chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Duyên hải miền Trung đến năm 2020 định hướng năm 2025.

Căn cứ vào quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về phê duyệt nghề trọng điểm và trường trọng điểm được lựa chọn để hỗ trợ đầu tư giai đoạn 2011 – 2020.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề ở các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung đến năm 2020 định hướng năm 2025.

Căn cứ vào thực tiễn điều tra, khảo sát, tham khảo ý kiến các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên các trường cao đẳng nghề quân đội ở khu vực Duyên hải miền Trung có một số giải pháp quản lý phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề như sau:

- Tăng cường giáo dục, tuyên truyền thông tin nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên cao đẳng nghề quân đội.
- Quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên cao đẳng nghề và giảng viên cao đẳng nghề quân đội đầu ngành.
- Đổi mới tuyển chọn và sử dụng hợp lý đội ngũ giảng viên.
- Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

- Quan hệ hợp tác với các cơ sở kinh doanh và dịch vụ.
- Thực hiện các chế độ, chính sách tạo động lực làm việc cho đội ngũ giảng viên.
- Tăng cường kiểm tra, đánh giá tổ chức quản lý phát triển đội ngũ giảng viên trường quân đội.

3. Kết luận

Đội ngũ giảng viên dạy nghề ở quân đội thuộc Bộ Quốc phòng có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định đến sự thành bại của sự nghiệp giáo dục và hiệu quả của quản lý giáo dục nghề nghiệp phụ thuộc vào trình độ chuyên môn của mỗi giảng viên quân đội. Để được trình độ chuyên môn cao có hiệu quả đòi hỏi các cấp có thẩm quyền của nhà trường quân đội động viên khích lệ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên không ngừng học tập đúng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nghiêm túc đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên thanh tra kiểm tra dự giờ dạy của đội ngũ giảng viên.

Đội ngũ giảng viên dạy nghề là hoạt động xương sống của nhà trường. Do đó, đội ngũ giảng viên cũng sẽ là vấn đề trọng tâm của quản lý giáo dục, nhằm giữ vững kỉ cương, tăng cường kỉ luật, đảm bảo pháp chế trong hoạt động chuyên môn, đồng thời nâng cao năng lực cho các nhà quản lý giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1] Luật Giáo dục năm 2005 và năm 2012.

[2] Luật Quốc hội, (2009), Luật số: 44/2009/QH12 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.

[3] Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ, (1995), Quyết định Số: 538/TCCP-TC về việc Thay đổi tên gọi các ngạch công chức giảng dạy và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch trong trường đại học - cao đẳng.

[4] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Luật Dạy nghề 2006, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[5] Điều lệ Nhà trường dạy nghề quân đội.

[6] Luật Hướng nghiệp năm 2014.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING AND DEVELOPING THE TEACHING STAFF AT MILITARY VOCATIONAL COLLEGES IN THE CENTRAL COAST AREAS

Le Huynh Quoc Vu

Vocational College N023 - Ministry of National Defence
1A La Son Phu Tu, Thua Thien Hue, Vietnam
Email: quocvu1976@gmail.com

Abstract: Vocational teaching staff - Ministry of National Defence- plays a special important part, determines the success of education cause and the effectiveness of professional education management depends on their professional qualifications. To evaluate the current situation of the teaching staff and its management development at vocational colleges in the Central Coast areas, the author conducted a survey of experts in vocational training, managers in department of labor, invalids and social affairs, managers and some lecturers at vocational colleges through survey forms.

Keywords: Management; development; teaching staff; military vocational colleges; the Central Coast areas.